TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 515/2025/DS - ST
Ngày: 26-12-2025
V/*v:"Tranh chấp đòi tiền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Hứa Thị Hà

- *Các hội thẩm nhân dân:*Ông Lương Văn Hùng và bà Đỗ Thị Kim Vân.

-*Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-DS ngày 10/4/2025 về *"Đòi tài sản"(Đòi tiền)*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2025/QĐXXST-DS ngày 19/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2025/QĐST-DS ngày 05/12/2025, giữa:

- ***Nguyên đơn***: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1947. (Có mặt).

Thường trú và nơi ở: Thôn M, xã T thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn***: Ông Đặng Ngọc C1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963.

Thường trú và nơi ở: Thôn M, xã T, Thành phố Hà Nội.

(Ông C1 vắng mặt, bà M có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955; Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1949; Ông Nguyễn Văn Sinh (Ngọt), sinh năm 1964; Ông Lê Xuân C3, sinh năm 1951; Ông Lê Văn T1, sinh năm 1970; Ông Lê Bá H, sinh năm 1969; Ông Nguyễn Văn T2,

sinh năm 1954; Ông Lê Văn L, sinh năm 1966; Ông Lê Văn T3 (Sơn), sinh năm 1968; Ông Lê Văn V, sinh năm 1957; ……

Đều thường trú và nơi ở: Thôn M, xã T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Văn C trình bày:**

Ngày 16/10/2006 tôi có thuê thợ chở vật liệu ở khu vực Trạm xá xã N mục đích xây nhà. Khi xe chở vật liệu mới chỉ chở được một chuyến thì người dân ở Thôn M kéo ra không cho xe đi qua nên tôi đã xuống trụ sở UBND xã để giải quyết nhưng không được.

Ngày 17/10/2006 xe chở vật liệu mà tôi thuê khi đến đầu ngõ lại bị cản trở vậy nên tôi đã lên cơ quan cấp huyện để phản ánh việc gia đình tôi bị người dân Thôn M cản trở xây dựng và đoàn công tác UBND huyện có về để chỉ đạo giải quyết.

Ngày 19/10/2006, Thôn M tổ chức hội nghị họp xóm tại nhà ông C1. Với lực lượng áp đảo mà tôi chỉ có một mình, mọi người đều nói do tôi không đóng tiền đường nên phải đóng thì mới cho tôi đi. Tôi yêu cầu lên hiện trường cho rõ để trình bày nhưng bị lấn áp, cuối cùng chủ tịch huyện chỉ đạo cấp thôn cấp xã có trách nhiệm yêu cầu người dân ở Thôn M tổng hợp kinh phí làm đường yêu cầu tôi nộp gọi là tạo điều kiện giúp đỡ tôi sinh hoạt đi lại. Nếu lúc đấy tôi theo kiện lên cấp cao hơn thì đến giờ gia đình tôi vẫn chưa làm được nhà nên tôi đành nuốt hận vào trong để gia đình xây dựng được nhà. Thực tế số tiền 3.000.000 đồng mà tôi phải trả không phải là sự tự nguyện do tôi không hề di chuyển vào đoạn đường đó trong quá trình vận chuyển vật liệu làm nhà, kể cả hàng ngày, hàng tháng, cả năm tôi cũng không đi trên đoạn đường đó. Hay việc người dân Thôn M cho rằng tôi mắc điện chung từ nhà ông Khải là con rể tôi là không đúng. Tôi đề nghị Tòa án buộc vợ chồng Đặng Ngọc C1 và Nguyễn Thị M cùng 28 hộ dân thôn M phải trả lại tôi số tiền 3.000.000 đồng đã thu của tôi ngày 19/10/2006 và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Đặng Ngọc C1 và bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Không đồng ý với đơn khởi kiện của ông C. Năm 1981 UBND xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là xã T, Thành phố Hà Nội) cấp đất giãn dân khu ao hố lò gạch cho các hộ thôn M trong đó có gia đình tôi được cấp 1 thửa. Đến năm 1993 UBND xã N thanh lý đất khu ao hố lò gạch, gia đình tôi mua được 01 thửa.

Thời điểm đó đường đi là đường đất chỗ thấp chỗ cao cỏ mọc um tùm, đường điện cũng không có vì vậy chúng tôi họp bàn tự bỏ công bỏ sức và bỏ tiền ra làm đường, mua cột điện, dây điện để kéo điện sử dụng. (Việc này được 31 hộ thống nhất đóng góp nhưng gia đình ông C không họp và không đóng góp). Năm 2006 ông C làm nhà chở vật liệu đi trên đường đó, xóm phát hiện và không cho chở vật liệu và không cho kéo đường điện, vì thực tế khi họp bàn cả xóm đóng góp tiền để xây dượng tuyến đường ngõ xóm và kéo đường điện ông C đã không đóng góp. Tháng 10 năm 2006 sau khi không được đi ông C có đơn nhờ xã và huyện can thiệp can thiệp, xóm tổ chức họp nhờ tại nhà tôi có cả huyện, xã và trưởng thôn là ông Đỗ Mạnh về việc cho ông C cùng gia đình đi chung và được nộp tiền. Trong nội dung cuộc họp gia đình ông C đều xin cả xóm được sử dụng và tự nguyện nộp tiền số tiền là 3.000.000 đồng ông C có ký vào biên bản, việc nộp tiền là tự nguyện không ai bắt ép. Số tiền 3.000.000 đồng mọi người nhất trí để tôi nhận hộ để tiếp tục sửa đường điện và làm lắp cống rãnh, mọi sự việc đều có biên bản ghi chép đầy đủ. Do đó việc ông C khởi kiện chúng tôi là không đúng, việc ông C và gia đình đi chung với cả tập thể thì ông C và gia đình phải đóng góp.

***Quá trình tố tụng và tại phiên những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều trình bày:**

Không đồng ý với đơn khởi kiện của ông C.

Năm 1981, chúng tôi được UBND xã N cũ cấp đất giãn dân khu ao hố lò gạch. Đến năm 1993 UBND xã N thanh lý đất khu ao hồ lò gạch và các hộ dân chúng tôi đều mua đất ở khu vực này. Thời điểm đó đường vào khu xóm mới chỉ là con đường đất chỗ thấp chỗ cao cỏ mọc um tùm đường điện cũng không có vì vậy xóm chúng tôi họp bàn tự bỏ công bỏ sức và bỏ tiền ra làm đường, mua dây điện để kéo đường điện tiện cho việc sinh hoạt của cả xóm. Năm 2006 ông C làm nhà có chở vật liệu trên đường bê tông mà Xóm Mới chúng tôi đều không nhất trí với lý do ông C không đóng góp kinh phí thì không được sử dụng. Do vậy ông C có nộp đơn nhờ huyện và xã can thiệp và có tổ chức họp nhờ tại nhà ông C1 và bà M, gồm có đại diện UBND huyện T, UBND xã N và trưởng thôn, nội dung cuộc họp về việc cho ông C cùng gia đình đi chung và được nộp tiền. Trong nội dung cuộc họp ông C xin cả xóm được sử dụng và tự nguyện nộp tiền số tiền là 3.000.000 đồng, việc nộp tiền là tự nguyện không ai bắt ép, ông C có làm bản cam kết, hàng ngày ông C vẫn đi trên con đường đó, lý do gì ông C cùng gia đình vẫn sử dụng đi cùng các hộ dân mà giờ lại đòi lại tiền, chúng tôi không đồng ý. Số tiền 3.000.000 đồng mọi người nhất trí để ông C1 nhận hộ để tiếp tục sửa đường điện và làm lắp cống rãnh, mọi sự việc đều có biên bản ghi chép tại ngày hôm đó. Do

gia đình ông C không tham gia, không đóng góp nên không được đấu điện, chở vật liệu vì việc làm, cải tạo đường cho đến khi đường đổ bê tông, làm đường điện là đóng góp kinh phí của các hộ dân, không phải từ cấp trên đầu tư.

Năm 2023, UBND xã N đã có kết luận số 04/ KL - UBND về nội dung tố cáo đối với ông Đặng Ngọc C1 và những hộ dân xóm Mới thôn M. Ngày 05/04/2023 Chủ tịch UBND xã N ban hành Quyết định số 59/QĐ UBND về việc thụ lý tố cáo đối với ông Đặng Ngọc C1 và những hộ dân xóm Mới, thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Nội dung tố cáo được thụ lý: Tố cáo ông Đặng Văn C2 và những hộ dân Xóm Mới năm 2006 bắt gia đình ông Đỗ Văn C phải nộp 3 triệu đồng tiền đóng góp làm đường đổ bê tông từ nhà ông Nguyễn Văn Sinh (vợ là Hiên) đến nhà ông Lê Văn L là trái pháp luật.

*** Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2025 thể hiện:** Đoạn đường đang có yêu cầu đòi tài sản (tiền) gồm 03 đoạn: Đoạn đường 01 dài 140m x R 3.5m (đã đổ bê tông phẳng nhẵn); Đoạn đường 02 dài 300m x R 3.5m đã đổ bê tông (ông C cho rằng đoạn này bị ép đóng tiền 3.000.000 đồng). Đoạn đường 03: Nối từ đoạn 01 vào ngõ nhà ông C mặt đường vẫn là đường đất (dài khoảng 300 m).

Tại phiên tòa, nguyên đơn,bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên và không trình bày ý kiến bổ sung.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng*:**

***Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự **.** Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, đã được thực hiện nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Về nội dung:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 332 Bộ Luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C.

- Về án phí: Xét nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-YBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Đỗ Văn C và ông Đặng Văn C2, bà Nguyễn Thị M là quan hệ dân sự, các bên không tự giải quyết được tranh chấp, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập đầy đủ, hợp lệ nhưng vắng mặt. Toà án xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đặng Ngọc C1 và Nguyễn Thị M cùng 28 hộ dân thôn M phải trả lại ông C số tiền 3.000.000 đồng và số tiền lãi:

Theo trình bày của ông C, ngày 16 và 17/10/2006 ông C có thuê thợ chở vật liệu ở khu vực Trạm xá xã N mục đích xây nhà. Khi xe chở vật liệu đi trên đường xóm thì người dân ở Thôn M kéo ra không cho xe đi qua, ông C đã đến trụ sở UBND huyện và UBND xã N đề nghị giải quyết. Ngày 19/10/2006, Thôn M tổ chức hội nghị họp xóm tại nhà ông Đặng Văn C2. Ông C có ý kiến xin nhận đóng góp và giao đủ tiền 3.000.000 đồng.

* Qua xác minh, kiểm tra hồ sơ thể hiện: Vào những năm từ 1980-1997, UBND xã N có chia đất giãn dân (có thu tiền), bán trái thẩm quyền cho các hộ dân khu ruộng rau, hố thùng đấu Lò gạch, khu trại chăn nuôi cũ (Lộc- M- Hòe). Để cho việc đi lại và phục vụ sinh hoạt, xóm Mới đã vận dụng tổ chức toàn bộ các hộ dân xóm Mới có kế hoạch làm cải tạo đường Xóm, làm đường điện (dựng cột, kéo dây) được tất cả các hộ trong Xóm Mới đồng tình ủng hộ, gồm có: hộ ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn S, Đỗ Văn T, Đỗ Văn Đ, Lê Xuân C3, Lê Văn T1, Nguyễn Văn S, Lê Văn T, Đặng Ngọc C1, Nguyễn Văn C2 , Lê Bá H, Nguyễn

Văn T2, Lê Văn L, Lê Văn V, Lê Văn S; Lê Văn C, Lê Văn V, Đỗ Văn Đ, Lê Văn K, Đỗ Thị N, Lê Thị T, Nguyễn Văn Q, Phạm Xuân D, Phạm Xuân D, Lê Văn H, Nguyễn Văn T, Lê Văn S, Lê Văn Đ, Lê Văn K. Hội nghị có mời hộ ông Đỗ Văn C nhưng hộ ông C không tham gia.

Tại hội nghị đã thống nhất kinh phí cải tạo, làm đường, làm đường điện (mua cột, mua dây, dựng cột và kéo dây) kinh phí hết bao nhiêu tiền chia đều cho mỗi hộ gia đình.

Quá trình làm: Khi UBND xã N giao đất cho các hộ dân, hạ tầng đường đi của xóm Mới nhỏ, thấp, hệ thống đường điện không đảm bảo. Do vậy, xóm Mới đã tiến hành như sau:

+ Làm, cải tạo đường từ hộ ông Nguyễn Văn D đến nhà ông Lê Văn L được tiến hành qua nhiều giai đoạn; giai đoạn đổ đất nền đường, giai đoạn đổ đá cấp phối nền đường, giai đoạn đổ bê tông.

+ Làm đường điện: mua cột, mua dây, dựng cột và kéo dây.

Công trình cải tạo làm đường cho đến đổ bê tông và làm đường điện được hoàn thành năm 2004. Toàn bộ được tổng hợp kinh phí thông báo đóng góp tới từng hộ. Gia đình ông C được mời nhưng không tham gia họp và không đóng góp gì.

*Kết quả xác minh tại UBND xã T, thành phố Hà Nội thể hiện: Khu đất có ngõ đang tranh chấp có nguồn gốc lấn chiếm, sau đó UBND xã thu tiền và bán thanh lý giai đoạn trước năm 1993 và sau năm 1993 thể hiện ngõ đi từ trên khu trạm xá xuống đến nhà ông C (khu đất nhà ông C) và ngõ đi thứ 2 (từ nhà Hiên Sinh đến nhà ông L). Ngõ trục chính của xóm mới đã được đổ bê tông, đường vào nhà ông C là đường đất giáp với ruộng (Phía Đông). Trước năm 2006 tuyến đường ngõ xóm từ nhà Hiên Sinh đến nhà ông L.

Quá trình giải quyết vụ án đã làm rõ, tại bản kết luận số 04/KL – UBND xã N ngày 16/5/2023 kết luận về nội dung đơn của ông C tố cáo ông Đặng Ngọc C1 và những hộ dân bắt gia đình ông C phải nộp 3.000.000 đồng là tố cáo sai.

Chính nguyên đơn thừa nhận, sau khi bị cản trở đi lại đã yêu cầu chính quyền địa phương, UBND huyện can thiệp, làm rõ sự việc, sau khi sự việc được làm rõ, nguyên đơn đã nộp số tiền 3.000.000đ đóng góp cùng nhân dân trong xóm xây dựng đường làng ngõ xóm, tại thời điểm nguyên đơn ký biên bản ngày 19/10/2006 thể hiện nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, không bị ai ép buộc, không bị hạn chế về năng lực trách nhiệm dân sự; việc nguyên đơn trình

bày rằng nguyên đơn bị ép buộc, không tự nguyện nộp tiền, ngoài lời trình bày của nguyên đơn thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Trên cơ sở lời khai của bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và của chính nguyên đơn đều thể hiện vợ chồng ông C1, bà M và 28 hộ dân không ép buộc ông C phải nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) để xây dựng đường làng, ngõ xóm.

Xét thực tế tại địa phương: Ông C và gia đình biết và nắm được chủ chương chung của xóm là làm đường, kéo đường điện. Bản thân ông và gia đình vẫn sinh hoạt chung tại vị trí đất nhà ông C nằm ở giữa xóm, có 1 đường duy nhất vào thì việc đóng góp với xóm là đúng cả về lý và về tình. Để đảm bảo tính công bằng cho các hộ dân trong xóm ông C và gia đình phải nộp kinh phí đóng góp chung là đúng và phù hợp với lẽ công bằng.

Hội đồng xét xử thấy: Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) mà ông C đại diện gia đình đã nộp cho xóm (ông C1 là được xóm cử làm đại diện) nhận là khoản đóng góp tự nguyện, nhằm bảo đảm quyền lợi sử dụng công trình giao thông và điện sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư.

Việc ông C yêu cầu ông C1, bà M và 28 hộ dân thôn M phải trả lại ông C số tiền 3.000.000 đồng và số tiền lãi là không có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C về việc buộc ông Đặng Ngọc C1 và Nguyễn Thị M cùng 28 hộ dân thôn M phải trả lại ông C số tiền 3.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Đỗ Văn C về việc buộc ông Đặng Ngọc C1 và Nguyễn Thị M cùng 28 hộ dân thôn M phải trả lại ông C số tiền lãi của số tiền 3.000.000 đồng:

Ông Đỗ Văn C không được chấp nhận yêu cầu về việc buộc ông Đặng Ngọc C1 và Nguyễn Thị M cùng 28 hộ dân thôn M phải trả lại ông C số tiền 3.000.000 đồng, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông C về khoản tiền lãi, do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc buộc ông Đặng Ngọc C1 và Nguyễn Thị M cùng 28 hộ dân thôn M phải trả lại ông C số tiền lãi của số tiền 3.000.000 đồng

[3] Về án phí:

Về nguyên tắc, yêu cầu của ông Đỗ Văn C không được chấp nhận phải chịu án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, xét ông Đỗ Văn C thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-

YBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Văn C.

[4]: Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 3, Điều 5, Điều 105, Điều 117, Điều 118, Điều 159, Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 147, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-YBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

T1 xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn C đối với ông Đặng Ngọc C1, bà Nguyễn Thị M và 28 hộ dân về việc đòi lại 3.000.000 đồng và tiền lãi.

2.Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Đỗ Văn C.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T1 án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hứa Thị Hà